

Bản án số: 20/2024/HNGĐ-ST

Ngày 21/6/2024.

V/v xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÕ NHAİ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hạnh và bà Dương Thị Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thu Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2024 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1995, có mặt.

Địa chỉ: Thôn LG, thị trấn L, huyện TD, tỉnh Bắc Ninh.

Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12.

Bị đơn: Anh Trần Đình V, sinh năm 1994, vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm AL, xã BL, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên.

Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị kết hôn với anh V năm 2016 đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L, huyện TD, tỉnh BN. Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là Trần Đình Minh K, sinh

ngày 14/01/2017 và Trần Đình K1, sinh ngày 29/8/2020. Tài sản chung và nợ chung không có.

Về nguyên nhân xin ly hôn chị T trình bày: Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc. Từ năm 2021, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Do anh V ngoại tình với người phụ nữ khác, không quan tâm gì đến vợ con, thường xuyên tụ tập bạn bè, chơi bời dẫn đến nợ nần. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ cuối năm 2021 đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, không quan tâm đến nhau, không thể hàn gắn tình cảm được nữa chị đề nghị được ly hôn anh V. Về con chung chị đề nghị được nuôi 02 con chung là Trần Đình Minh K, sinh ngày 14/01/2017 và Trần Đình K1, sinh ngày 29/8/2020, không yêu cầu anh V đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với bị đơn anh Trần Đình V:* Sau khi nhận được đơn khởi kiện của chị T quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh V không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Ngày 07/5/2024, Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai đã tiến hành xác minh tại UBND xã BL, Công an xã BL, ban xóm AL và gia đình anh V xác định được các giấy triệu tập của Tòa án đã giao nhận hợp lệ cho anh V, gia đình anh V nhận và đã thông báo cho anh V biết. Hiện nay anh V vẫn có hộ khẩu thường trú tại địa phương chưa cất chuyển hộ khẩu, tạm vắng đi đâu. Do anh V không có mặt tại Tòa án nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử công khai.

Ý kiến của con trên 7 tuổi: Trong đơn đề nghị ngày 09/4/2024, cháu Trần Đình Minh K có nguyện vọng ở với chị Nguyễn Thị T.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng, Tòa án thụ lý vụ án và tiến hành các thủ tục tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phù hợp với các quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Xét thấy chị T và anh V kết hôn năm 2016, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L, huyện TD, tỉnh BN nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T cho chị T được ly hôn anh Trần Đình V. Về con chung: Giao cho chị T trực tiếp chăm

sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Trần Đình Minh K, sinh ngày 14/01/2017 và Trần Đình K1, sinh ngày 29/8/2020. Tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung cho anh V do chị T không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết. Án phí đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự. Tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án bị đơn là anh Trần Đình V cư trú tại xóm AL, xã BL, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của bị đơn: Ngày 05/3/2024 Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên đã thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của chị T về việc xin ly hôn đối với anh V. Quá trình giải quyết vụ án anh V không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Ngày 07/5/2024, Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai đã tiến hành xác minh tại UBND xã BL, Công an xã BL, Ban xóm AL và gia đình anh V xác định được các giấy triệu tập của Tòa án đã giao nhận hợp lệ cho anh V, gia đình anh V nhận và đã thông báo cho anh V biết. Hiện nay anh V vẫn có hộ khẩu thường trú tại địa phương chưa cắt chuyển hộ khẩu, tạm vắng đi đâu. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Trần Đình V là cuộc hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp. Bởi lẽ trước khi kết hôn hai bên được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện TD, tỉnh BN. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc. Từ năm 2021 hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Vợ chồng chị T và anh V đã ly thân từ cuối năm 2021, chị T và các con về bên ngoại sống. Đến nay anh V vẫn không thay đổi vợ chồng sống với nhau rất căng thẳng ảnh hưởng đến tinh thần chị T và các con, chị T xác định vợ chồng không thể tiếp tục sống với nhau nữa nên chị làm đơn xin ly hôn anh V. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh V không còn, tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, chấp nhận yêu cầu của chị T xin được ly hôn anh V.

[4]. Về con chung: Quá trình chung sống, chị T và anh V có 02 con chung là Trần Đình Minh K, sinh ngày 14/01/2017 và Trần Đình K1, sinh ngày 29/8/2020 hiện nay hai cháu đang ở với chị T. Quá trình giải quyết vụ án chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị nuôi cả hai con, đồng thời cháu K có nguyện vọng sống với chị

T. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay vắng mặt anh V, để đảm bảo cho con của chị T và anh V được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục tốt và theo nguyện vọng của chị T và cháu K, Hội đồng xét xử xét cần giao cháu Trần Đình Minh K, sinh ngày 14/01/2017 và cháu Trần Đình K1, sinh ngày 29/8/2020 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu K và cháu K1 đủ 18 tuổi.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung cho anh V do chị T không yêu cầu.

[6]. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8]. Xét ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

Bởi lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1- Về quan hệ vợ chồng: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Trần Đình V.

2- Về con chung: Giao cháu Trần Đình Minh K, sinh ngày 14/01/2017 và Trần Đình K1, sinh ngày 29/8/2020 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu K và cháu K1 đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Sau khi ly hôn anh V có quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung.

3- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Trần Đình V do chị T không yêu cầu.

4- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5- Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền chị đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Võ Nhai theo biên lai số 0006553 ngày 05/3/2024.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).

6- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Võ Nhai;
- Chi cục THADS huyện Võ Nhai;
- UBND thị trấn L, huyện TD, tỉnh BN;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Hương